SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 250 /XN - KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0210.22

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
Tên mẫu : **NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)**
Lượng mẫu : 01 bình x 10L + 1,5L + 250mL
Ngày lấy mẫu : 07/06/2022
Ngày nhận mẫu : 07/06/2022
Địa điểm lấy mẫu : Xí nghiệp cấp nước TT. Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.
Người lấy mẫu : Nguyễn Kinh Luân
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L, cal nhựa 10L và chai thuỷ tinh 250mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	*Escherichia coli (CFU/100mL)*	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	< 1	08/06/2022
2	*Coliforms tổng số (CFU/100mL)*	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	< 3	08/06/2022
3	Pseudomonas aeruginosa	ISO 16266-2:2006 (*)	0	< 1	08/06/2022
4	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213 B - 2017	0	< 1	08/06/2022
5	Amoni (mg/L)	US - EPA - 350.2 - 1997	0,13	0,3	08/06/2022
6	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,8	2	08/06/2022
7	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 -Cl^- - B - 2017 (*)	120,00	250,00	08/06/2022

8	Độ cứng tổng cộng, tính theo $CaCO_3$ (mg/L)	SMEWW 2340 C - 2017 (*)	140,00	300,00	08/06/2022
9	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130 B - 2017	0,64	2	08/06/2022
10	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120 C - 2017 (*)	8,13	15	08/06/2022
11	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2017 (*)	0,06	0,1	08/06/2022
12	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	08/06/2022
13	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	1,41	2	08/06/2022
14	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO_2^- B - 2017	0,02	0,05	08/06/2022
15	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,35	6,0 - 8,5	08/06/2022
16	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2017	0,13	0,3	08/06/2022
17	Sulphat (mg/L)	EPA 1997 - 375.4	193,2	250	08/06/2022
18	Clo dư tự do (mg/L)	TCVN 6225-2:2017	0,27	0,2 - 1,0	07/06/2022
19	Arsenic	Phản ứng màu Mercury (II) bromeide	0,00	0,01	08/06/2022
20	Antimon (Sb)	HD.PP.21/TT.AAS:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/l	≤ 0,02 mg/l	13/06/2022
21	Bari (Ba)	HD.PP.21/TT.AAS:2021 (*) (**)	0,244 mg/l	≤ 0,7 mg/l	13/06/2022
22	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	HD.PP.21/TT.AAS:2021 (*) (**)	0,097 mg/l	≤ 0,3 mg/l	13/06/2022
23	Cadimi (Cd)	SMEWW 3125B-2017 (*) (**)	< MLOQ = 0,001 mg/l	≤ 0,003 mg/l	16/06/2022
24	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B-2017 (*) (**)	< MLOQ = 0,001 mg/l	≤ 0,01 mg/l	16/06/2022
25	Crom tổng (Cr)	SMEWW 3120 B -2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/l	≤ 0,05 mg/l	10/06/2022
26	Đồng (Cu)	SMEWW 3120 B- 2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/l	≤ 1,00 mg/L	10/06/2022

27	Florua (F^-)	HD.PP.83/KXN.LH:2020 (Ref. Method 300.1, EPA - 1999 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/l	≤ 1,5 mg/L	13/06/2022
28	Kẽm (Zn)	SMEWW 3120 B - 2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/l	≤ 2 mg/l	10/06/2022
29	Natri (Na)	HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (*) (**)	84,9 mg/l	≤ 200 mg/L	13/06/2022
30	Nhôm (Al)	SMEWW 3120 B - 2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/l	≤ 0,2 mg/l	10/06/2022
31	Nickel (Ni)	HD.PP.21/TT.AAS :2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/l	≤ 0,07 mg/l	13/06/2022
32	Selen (Se)	HD.PP.21/TT.AAS :2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/l	≤ 0,01 mg/l	13/06/2022
33	Sulfua	SMEWW 4500 - S2 - D - 2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/l	≤ 0,05 mg/l	09/06/2022
34	Thuỷ ngân (Hg)	HD.PP.21/TT.AAS :2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,00008 mg/l	≤ 0,001 mg/l	13/06/2022
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C - 2017 (*) (**)	435,62 mg/l	≤ 1000 mg/l	15/06/2022
36	Cyanua (CN^-)	SMEWW 4500 - CN^- E - 2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/l	≤ 0,05 mg/l	10/06/2022
37	1,1,1 - Tricloroetan	HD.PP.62/KXN.LH:03,2021 (Ref. EPA 524.2) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 2000 µg/l	10/06/2022
38	1,2 Dicloroetan	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 5,00 µg/l	≤ 30 µg/l	10/06/2022
39	1,2- Dicloroeten	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 5,00 µg/l	≤ 50 µg/l	10/06/2022
40	Cacbontetraclorua CCl_4	HD.PP.62/KXN.LH:03,2021 (Ref. EPA 524.2) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,10 µg/l	≤ 2 µg/l	10/06/2022
41	Diclorometan CH_2Cl_2	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 5,00 µg/l	≤ 20 µg/l	10/06/2022
42	Tetracloroeten	HD.PP.62/KXN.LH:03,2021 (Ref. EPA 524.2) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 40 µg/l	10/06/2022
43	Trichloroeten	HD.PP.62/KXN.LH:03,2021 (Ref. EPA 524.2) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 20µg/l	10/06/2022
44	Vinyl clorua	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,10 µg/l	≤ 0,3 µg/l	15/06/2022

45	Benzen	HD.PP.78/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/l	≤ 10 µg/l	14/06/2022
46	Etylbenzen	HD.PP.78/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/l	≤ 300 µg/l	14/06/2022
47	Phenol & dẫn xuất của phenol (4 - Chloro-3-methylphenol; 2-Chlorophenol; 2,4-Dichlorophenol;2.4 -Dimethylphenol; 2-Nitrophenol; 2,4,6-Trichlophenol)	HD.PP.46/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,30 µg/l	≤ 1 µg/l	10/06/2022
48	Styren	HD.PP.78/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	≤ 20 µg/l	14/06/2022
49	Toluen	HD.PP.78/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	≤ 700 µg/l	14/06/2022
50	Xylen	HD.PP.78/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	≤ 500 µg/l	14/06/2022
51	1,2 - Diclorobenzen	HD.PP.78/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	≤ 1000 µg/l	14/06/2022
52	Monoclorobenzen	HD.PP.78/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	≤ 300 µg/l	14/06/2022
53	Triclorobenzen	HD.PP.78/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/l	≤ 20 µg/l	14/06/2022
54	Acrylamide	HD.PP.111/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,2 µg/l	< 0,5 µg/l	12/06/2022
55	Epiclohydrin	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,20 µg/l	≤ 0,4 µg/l	15/06/2022
56	Hexacloro butadien	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,20 µg/l	≤ 0,6 µg/l	10/06/2022
57	1,2 - Dibromo-3 chloropropane	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,10 µg/l	≤ 1 µg/l	10/06/2022
58	1,2 - Dichloropropane	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 5,00 µg/l	≤ 40 µg/l	10/06/2022
59	1,3 - Dichloropropene	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 5,00 µg/l	≤ 20 µg/l	10/06/2022
60	2,4 - D	HD.PP.47/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 1,50 µg/l	≤ 30 µg/l	16/06/2022
61	2,4 DB	HD.PP.47/KXN.LH (**)	Không phát hiện	≤ 90 µg/L	16/06/2022

			MLOD = 6,00 µg/l		
62	Alachlor	EPA 525.2 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/l	≤ 20 µg/l	16/06/2022
63	Aldicarb (HCBVTV nhóm carbamate)	HD.PP.32/TT.SK :2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/l	≤ 10 µg/l	14/06/2022
64	Atrazine và các dẫn xuất cloro-s-triazine	Ref. EPA 525.3 (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 100 µg/l	16/06/2022
65	Carbofuran (HCBVTV nhóm carbamate)	HD.PP.32/TT.SK :2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/l	≤ 5 µg/l	14/06/2022
66	Chlorpyrifos	SMEWW 6630 B:2017 (*)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/l	≤ 30 µg/l	16/06/2022
67	Clodan	SMEWW 6630 B:2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/l	≤ 0,2 µg/l	16/06/2022
68	Clorotoluron	HD.PP.68/KXN.LH:03, 2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,50 µg/l	≤ 30 µg/l	15/06/2022
69	Cyanazine	Ref. EPA 525.3 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,10 µg/l	≤ 0,6 µg/l	16/06/2022
70	DDT và các dẫn xuất	Ref.SMEWW 6630 B-2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/l	≤ 1 µg/L	16/06/2022
71	Dichlorprop	HD.PP.47/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/l	≤ 100 µg/l	16/06/2022
72	Fenoprop	HD.PP.47/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 9 µg/l	16/06/2022
73	Hydroxyatrazine	Ref. EPA 525.3 (**)	Không phát hiện MLOD = 50,00 µg/l	≤ 200 µg/l	15/06/2022
74	Isoproturon	HD.PP.68/KXN.LH:03, 2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,50 µg/l	≤ 9 µg/l	15/06/2022
75	MCPA	HD.PP.67/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 2 µg/l	16/06/2022
76	Mecoprop	HD.PP.67/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 10 µg/l	16/06/2022
77	Methoxychlor (HCBVTV họ Chlor hữu cơ)	SMEWW 6630 B:2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/l	≤ 20 µg/l	16/06/2022
78	Molinate	EPA 525.2 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,50 µg/l	≤ 6 µg/l	16/06/2022
79	Pendimetalin	SMEWW 6630-B:2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/l	≤ 20 µg/l	16/06/2022
80	Permethrin (họ Cúc tổng hợp)	HD.PP.32/TT.SK:2021(*) (**)	Không phát hiện MLOD = 5 µg/l	≤ 20 µg/l	14/06/2022

81	Propanil	HD.PP.68/KXN.LH:03, 2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,50 µg/l	≤ 20 µg/l	15/06/2022
82	Simazine	EPA 525.2 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,50 µg/l	≤ 2 µg/l	16/06/2022
83	Trifuralin	SMEWW 6630-B:2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/l	≤ 20 µg/l	16/06/2022
84	2,4,6 Triclorophenol (Nhóm DX Phenol)	HD.PP.46/KXN.LH:02, 2021 (Ref. EPA 604) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,50 µg/l	≤ 200 µg/l	10/06/2022
85	Bromat	HD.PP.83-1/KXN.LH:04, 2021 (Ref. Method 300.1 EPA 1999) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 3,00 µg/l	≤ 10µg/l	16/06/2022
86	Bromodiclorometa n	HD.PP.62/KXN.LH:03, 2021 (Ref. EPA 524.2) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 60 µg/l	10/06/2022
87	Bromoform	HD.PP.62/KXN.LH:03, 2021 (Ref. EPA 524.2) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 100 µg/l	10/06/2022
88	Cloroform	HD.PP.62/KXN.LH:03, 2021 (Ref. EPA 524.2) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 300 µg/l	10/06/2022
89	Dibromoaxetonitril	EPA 551.1 (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/l	≤ 70 µg/l	16/06/2022
90	Dibromochlorometan	HD.PP.62/KXN.LH:03, 2021 (Ref. EPA 524.2) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 100 µg/l	10/06/2022
91	Dicloroaxetonitril	EPA 551.1 (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/l	≤ 20 µg/l	16/06/2022
92	Axit dicloroaxetic	SMEWW 6251 B - 2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/l	≤ 50 µg/l	16/06/2022
93	Formaldehyde	HD.PP.48/KXN.LH:02, 2021 (Ref. EPA 8135A, SMEWW 6252 B: 2017) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 30,00 µg/l	≤ 900 µg/l	15/06/2022
94	Monocloramin	SMEWW 4500 - Cl F -2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,05 µg/l	≤ 3,0 µg/l	10/06/2022
95	Monochloroacetic acid	Ref. SMEWW 6251 - 2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/l	≤ 20 µg/l	16/06/2022

96	Axit tricloroaxetic	SMEWW 6251 B - 2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 20,00 µg/l	≤ 200 µg/l	16/06/2022
97	Tricloroaxetonitril	EPA 551.1 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,50 µg/l	≤ 1 µg/l	16/06/2022
98	Tổng hoạt độ α (Gross alpha)	ISO 10704:2009 (*) (**)	0,043 Bq/l	≤ 0,1 Bq/l	09/06/2022
99	Tổng hoạt độ β (Gross beta)	ISO 10704:2009 (*) (**)	0,179 Bq/l	≤ 1,0 Bq/l	09/06/2022

Ghi chú:

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.*
- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO /IEC 17025:2017.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The method limit of detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The method limit of quantification.
- (**): Phương pháp thử do Viện Y tế công cộng TP. Hồ Chí Minh thực hiện.

Nhận xét : Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 06 năm 2022

TRƯỞNG KHOA XN CĐHA-TDCN

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

P. GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH SÓC TRĂNG

BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm

SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 218 /XN-KSBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 537

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM
Mã số mẫu: 0211.22

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : Nguyễn Kinh Luân

Địa điểm lấy mẫu : Số 14 đường 3/2, ấp Cầu Đồn, TT. Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 07/06/2022

Tên mẫu : **NƯỚC NGẦM GIỮA NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)**

Lượng mẫu : 1,5L + 250mL

Ngày nhận mẫu : 07/06/2022

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 250mL, không bổ sung hóa chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	*Escherichia coli (CFU/100mL)*	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	< 1	08/06/2022
2	*Coliforms tổng số (CFU/100mL)*	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	< 3	08/06/2022
3	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2017	0,41	2	08/06/2022
4	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2017 (*)	6,71	15	08/06/2022
5	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	08/06/2022
6	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,39	6,0 - 8,5	08/06/2022
7	Clo dư tự do (mg/L)	TCVN 6225-2:2017	0,37	0,2 - 1,0	07/06/2022
8	Arsenic	Phản ứng màu Mercury (II) bromeide	0,00	0,01	08/06/2022

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM GIỮA NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.*

Sóc Trăng, ngày 17 tháng 06 năm 2022

TRƯỞNG KHOA XN CĐHA-TDCN

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH SÓC TRĂNG

BS.CKII. Võ Quang Hà

Đ/C: 506 Lê Hồng Phong - P3 - Tp. Sóc Trăng.
ĐT: 0299.3821524 - 0299.3616324 - Fax: 0299.3620042 -

SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 219 /XN-KSBT

VILAS 537

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0212.22

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : Nguyễn Kinh Luân

Địa điểm lấy mẫu : Số 237 đường Huỳnh Văn Triệu, ấp Cầu Đồn, TT. Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng

Ngày lấy mẫu : 07/06/2022

Tên mẫu : **NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)**

Lượng mẫu : 1,5L + 250mL

Ngày nhận mẫu : 07/06/2022

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 250mL, không bổ sung hóa chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	*Escherichia coli (CFU/100mL)*	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	< 1	08/06/2022
2	*Coliforms tổng số (CFU/100mL)*	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	< 3	08/06/2022
3	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2017	0,72	2	08/06/2022
4	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2017 (*)	4,22	15	08/06/2022
5	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	08/06/2022
6	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,39	6,0 - 8,5	08/06/2022
7	Clo dư tự do (mg/L)	TCVN 6225-2:2017	0,28	0,2 - 1,0	07/06/2022
8	Arsenic	Phản ứng màu Mercury (II) bromeide	0,00	0,01	08/06/2022

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.*

Sóc Trăng, ngày 17 tháng 06 năm 2022

TRƯỞNG KHOA XN CĐHA-TDCN

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH SÓC TRĂNG

BS.CKII. Võ Quang Hà